

BAN TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG

**VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ  
CHÍNH SÁCH DÂN TỘC  
CỦA  
ĐẢNG CỘNG SẢN  
VIỆT NAM**

*( Chương trình chuyên đề  
dùng cho cán bộ, đảng viên cơ sở )*

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

BAN TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA TRUNG ƯƠNG

**VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ  
CHÍNH SÁCH DÂN TỘC  
CỦA  
ĐẢNG CỘNG SẢN  
VIỆT NAM**

*( Chương trình chuyên đề  
dùng cho cán bộ, đảng viên cơ sở )*

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
HÀ NỘI - 2002

## **Chuyên đề I**

# **MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DÂN TỘC VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC TRÊN THẾ GIỚI**

## **I. KHÁI NIỆM DÂN TỘC**

Dân tộc là một trong những hình thái cộng đồng người, được hình thành trong quá trình phát triển lâu dài của lịch sử xã hội loài người và đang là một trong những vấn đề quan trọng, nổi lên trên thế giới. Trước khi đi vào nghiên cứu vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc, cần làm rõ khái niệm dân tộc.

### **1. Khái niệm dân tộc theo nghĩa cộng đồng tộc người**

Theo nghĩa thông thường, khái niệm dân tộc để chỉ một cộng đồng tộc người (ethnic, ethnies) có chung ngôn ngữ, lịch sử - nguồn gốc, đời sống văn hoá và ý thức tự giác dân tộc.

Theo nghĩa này có dân tộc Kinh (Việt), dân tộc Tày, dân tộc Mường, dân tộc Mông, dân tộc Dao, dân tộc Êđê, dân tộc Khmer, v.v.. Trong một dân tộc có thể bao

gồm nhiều nhóm địa phương, có những đặc trưng về văn hóa, về tiếng nói... gần gũi nhau. Chẳng hạn, người Dao, có Dao Đại bản, Dao Tiểu bản, Dao Quần trắng, v.v.; người Mông có Mông Hoa, Mông Xanh, Mông Đen...

Với cách nói thông thường, từ dân tộc có thể được thay bằng từ người, như người Thái hay dân tộc Thái, người Êđê hay dân tộc Êđê, người Khmer hay dân tộc Khmer... Tuy nhiên, từ người còn có ý nghĩa rộng lớn hơn, chỉ cư dân của một quốc gia dân tộc, như người Việt Nam, người Pháp, người Đức, người Nga, v.v..

Về mặt lịch sử, cộng đồng tộc người phát triển từ thị tộc, bộ lạc, bộ tộc rồi dần dần trở thành dân tộc. Các nhà nghiên cứu phương Tây cho rằng thị tộc, bộ lạc tương ứng với thời kỳ công xã nguyên thủy; bộ tộc tương ứng với thời kỳ xuất hiện giai cấp, nhà nước và ở giai đoạn tiền tư bản chủ nghĩa; dân tộc tương ứng với thời kỳ tư bản chủ nghĩa trở đi. Trong khi đó, ở châu Á, do yêu cầu của đắp đê, làm thủy lợi, bảo vệ lãnh thổ..., nhiều dân tộc hình thành từ rất sớm, không gắn liền với sự ra đời của chủ nghĩa tư bản. Sở dĩ có sự không thống nhất như trên là do chưa phân biệt rõ khái niệm dân tộc theo nghĩa cộng đồng tộc người và dân tộc theo nghĩa quốc gia dân tộc.

Như vậy, khái niệm dân tộc, theo nghĩa cộng đồng tộc người, không phân biệt trình độ phát triển, đa số hay thiểu số, sống ở phạm vi quốc gia nào, bao gồm bốn điểm chung lớn nhất, đó là:

- Chung một ngôn ngữ ( tiếng nói);
- Chung một lịch sử nguồn gốc;
- Chung một đời sống văn hóa;
- Cùng tự nhận mình là dân tộc đó ( ý thức tự giác chung về dân tộc).

## **2. Khái niệm dân tộc theo nghĩa quốc gia dân tộc**

Theo nghĩa rộng, dân tộc chỉ cộng đồng người cùng sinh sống trong một quốc gia, một nước, như dân tộc Việt Nam, dân tộc Pháp, dân tộc Đức, dân tộc Anh, v.v.. Các cộng đồng tộc người cùng sống trên một địa bàn lãnh thổ do nhu cầu tồn tại và phát triển có mối quan hệ với nhau. Trải qua một quá trình lịch sử lâu dài, hình thành nên các quốc gia, bao gồm địa bàn sinh sống của một hay nhiều cộng đồng tộc người. Ở phương Tây, quá trình này gắn liền với sự ra đời của chủ nghĩa tư bản và hình thành thị trường dân tộc thống nhất. Còn ở các nước châu Á, các quốc gia dân tộc hình thành sớm hơn, gắn liền với các quá trình xây dựng các công trình thủy lợi, khai phá thiên nhiên và bảo vệ đất nước.

Trong nhiều tác phẩm của mình, V.I.Lênin đã dùng thuật ngữ quốc gia - dân tộc tương ứng với thuật ngữ dân tộc (nation), để chỉ cộng đồng cư dân của một quốc gia nhất định, bao gồm nhiều dân tộc, nhiều tộc người. Ngày nay, hầu như tất cả các quốc gia trên thế giới đều là quốc gia đa dân tộc.

Trong nói và viết, người ta còn dùng từ nhân dân để nói về dân cư của một quốc gia. Người ta có thể nói dân tộc Việt Nam hay nhân dân Việt Nam, dân tộc Lào hay nhân dân Lào, dân tộc Pháp hay nhân dân Pháp,... Cách dùng này khá phổ biến trên thông tin đại chúng, sách, báo chính trị, v.v...

Trong một quốc gia đa dân tộc thường có một, hai dân tộc chiếm số đông, thường được gọi là dân tộc đa số, còn các dân tộc khác được gọi là dân tộc thiểu số. Được gọi là dân tộc đa số hay thiểu số chủ yếu căn cứ vào số lượng người chứ không căn cứ vào trình độ phát triển. Ở nhiều quốc gia đa dân tộc, có dân tộc thiểu số có trình độ phát triển không thua kém so với dân tộc đa số, thậm chí, trong một thời gian dài là lực lượng thống trị, như dân tộc Tutxi ở Rwanda; bộ tộc Nguyên-Mông lập nên nhà Nguyên, bộ tộc Mãn Thanh lập nên nhà Thanh ở Trung Quốc... Dân tộc đa số trong một quốc gia thường là lực lượng nòng cốt, là dân tộc đại diện cho quốc gia đó. Còn trong một số quốc gia không có dân tộc chiếm đa số, thì dân tộc nào giữ vai trò quan trọng trong sự phát triển của quốc gia là dân tộc nòng cốt, đại diện.

Như vậy, khái niệm dân tộc cần được hiểu theo hai bình diện, dân tộc là cộng đồng tộc người và dân tộc hiểu theo nghĩa rộng là cư dân của một quốc gia. Thực chất hai vấn đề không giống nhau, nhưng có liên quan mật thiết, hữu cơ với nhau. Khi nói đến dân tộc Việt

Nam không thể không nói đến 54 dân tộc (tộc người) đang sinh sống ở nước ta hoặc ngược lại, khi nói đến các dân tộc ở Việt Nam, không thể không nói đến cộng đồng dân tộc Việt Nam.

## II. TÌNH HÌNH DÂN TỘC VÀ QUAN HỆ DÂN TỘC TRÊN THẾ GIỚI

### 1. Tình hình dân tộc trên thế giới

Hiện nay, người ta chưa thống kê được chính xác trên thế giới có bao nhiêu dân tộc (tộc người, theo bốn tiêu chí trên), nhưng theo một số nhà khoa học, con số đó khoảng vài ngàn<sup>1</sup>. Chỉ tính riêng ở châu Á đã có khoảng trên một ngàn dân tộc đang sinh sống, với trình độ phát triển kinh tế - xã hội khác nhau, thuộc nhiều hệ và nhóm ngôn ngữ. Các dân tộc cũng rất khác nhau về số lượng người. Có những dân tộc có trên 100 triệu người (như người Hán ở Trung Quốc). Ngược lại, nhiều dân tộc chỉ có vài ngàn người, thậm chí chỉ có vài trăm người (như dân tộc Brâu, Rơmăm, Ôđu ở Việt Nam).

Ở châu Á có 4 dân tộc trên 100 triệu người, 6 dân

---

1. Nếu tính theo tiêu chí ngôn ngữ, hiện nay trên thế giới có khoảng 7.000 ngôn ngữ khác nhau. Nhưng nhiều nhà khoa học đã cảnh báo, sau 100 năm nữa hơn 5.000 ngôn ngữ sẽ bị biến mất (T.G).

tộc trên 50 triệu người, 21 dân tộc từ 10 - 50 triệu người và 30 dân tộc có số dân hơn 1 triệu người. Ấn Độ và Indônêxia có trên 150 dân tộc, Philippin hơn 100; Việt Nam và Trung Quốc trên 50; Thái Lan, Mianma, Iran, Ápganixtan... trên 30 dân tộc sinh sống. Nhiều dân tộc cư trú ở nhiều quốc gia, nhất là khu vực biên giới của những nước gần nhau về địa lý. Người Hán có mặt ở rất nhiều nước trên thế giới, đặc biệt ở khu vực Đông Nam Á, với một số lượng không nhỏ. Người Thái cư trú ở Trung Quốc, Việt Nam, Thái Lan, Lào,... Người Cuốc sinh sống ở một dải đất thuộc nhiều nước như Thổ Nhĩ Kỳ, Iran, Irắc, Xyri. Người Belugi cư trú ở các vùng biên giới của các nước Iran, Ápganixtan, Pakixtan, v.v.. Ngày nay các dân tộc thường sống xen kẽ với nhau, nhiều khi trong từng xã, từng bản. Vì vậy, xuất hiện vấn đề dân tộc trong phạm vi một quốc gia và vấn đề dân tộc trong quan hệ giữa các quốc gia.

Sự phân bố dân tộc trên thế giới rất phức tạp và đa dạng, do hậu quả của quá trình di cư rất lâu dài trong lịch sử. Những mâu thuẫn tồn tại trong lịch sử làm cho mối quan hệ dân tộc không ổn định, đôi khi nảy sinh sự căng thẳng, xung đột giữa các dân tộc, các quốc gia.

Về quốc gia dân tộc, trên thế giới ngày nay có hơn 200 nước và vùng lãnh thổ, có dân số và diện tích rất khác nhau. Có những nước có số dân rất lớn, trên một tỷ người, như Trung Quốc và Ấn Độ. Song cũng có những nước chỉ vài trăm ngàn người, thậm chí vài chục



ngàn người, như Brunây, Tuvalu... Có nước rộng hàng chục triệu km<sup>2</sup>, song cũng có những nước chỉ có vài ngàn km<sup>2</sup>. Trình độ phát triển kinh tế - xã hội cũng rất không đồng đều. Có một số nước công nghiệp phát triển cao như các nước thuộc nhóm G7, tổ chức OECD..., còn đa số các nước châu Á, châu Phi, Mỹ Latinh vẫn ở tình trạng kém phát triển.

## **2. Quan hệ dân tộc trên thế giới**

Các dân tộc trên thế giới không sống biệt lập mà có quan hệ qua lại nhiều chiều với nhau. Cùng với tiến trình lịch sử, mối quan hệ giữa các dân tộc ngày càng trở nên phong phú và đa dạng.

Dưới xã hội nguyên thủy, do trình độ phát triển thấp kém, mối quan hệ giữa các thị tộc - bộ lạc nói chung là hòa bình, hữu nghị. Mỗi thị tộc, bộ lạc sinh sống tại một khu vực. Tuy nhiên, do đấu tranh sinh tồn, không tránh khỏi những xích mích, va chạm dẫn đến những cuộc chiến tranh đẫm máu giữa các thị tộc, bộ lạc với nhau.

Trong các xã hội có giai cấp, quan hệ giữa các dân tộc càng trở nên phức tạp. Ngày nay vấn đề mối quan hệ giữa các dân tộc trên thế giới là một vấn đề trọng đại, toàn cầu, mang tính thời sự nóng bỏng. Quan hệ dân tộc chịu ảnh hưởng của các mối quan hệ và các yếu tố sau:

- *Quan hệ dân tộc xuất phát và chịu ảnh hưởng của quan hệ lợi ích.*

Giữa các dân tộc, nhiều khi mâu thuẫn về lợi ích

trước mắt và lâu dài tiềm ẩn bên trong, được ngụy trang dưới nhiều vỏ áo khác nhau, có khi mang màu sắc dân tộc. Sự đan xen giữa lợi ích kinh tế là cái cốt lõi với những mâu thuẫn, hận thù trong lịch sử là nguyên nhân của nhiều cuộc xung đột đẫm máu. Ngược lại, nếu lợi ích chân chính của mỗi dân tộc được tôn trọng và bảo vệ, sẽ tạo cơ sở cho sự đoàn kết và hợp tác giữa các dân tộc bên trong và bên ngoài mỗi quốc gia.

*- Vấn đề dân tộc trên thế giới có quan hệ chặt chẽ với vấn đề tôn giáo.*

Hầu như dân tộc nào cũng có tôn giáo với những hình thức và mức độ khác nhau. Một dân tộc có thể theo một hay nhiều tôn giáo, từ nguyên thủy đến hiện đại. Cũng có những dân tộc gắn chặt với một tôn giáo nào đó và được coi là nét văn hóa đặc trưng của dân tộc. Cùng với những vấn đề dân tộc, những mâu thuẫn tôn giáo tồn tại từ lâu trong lịch sử đang bị các thế lực phản động lợi dụng, phục vụ cho các mục đích chính trị và chủ nghĩa dân tộc vị kỷ. Trong mỗi tôn giáo lớn, tồn tại nhiều dòng, hệ, phái, càng làm cho vấn đề dân tộc, tôn giáo thêm phức tạp, kích thích thêm sự phát triển của mâu thuẫn dân tộc. Nhiều nhà nghiên cứu dự đoán, trong thế kỷ XXI, vấn đề dân tộc và tôn giáo có khả năng phát triển và diễn biến phức tạp thêm.

*- Vấn đề dân tộc luôn gắn rất chặt với vấn đề giai cấp, đặc biệt trong quan hệ lợi ích.*

Lợi ích của mỗi dân tộc phụ thuộc vào chế độ xã

hội và địa vị của dân tộc đó trong quan hệ với dân tộc khác thuộc phạm vi quốc gia và ngoài quốc gia. Lợi ích của mỗi giai cấp phụ thuộc vào quan hệ sở hữu cũng như địa vị của giai cấp đó trong hệ thống sản xuất của một xã hội. Trong mỗi dân tộc có những giai cấp khác nhau và trong một giai cấp có người của nhiều dân tộc khác nhau. Giai cấp tư sản, một thiểu số bóc lột, thực hiện chính sách áp bức dân tộc trên phạm vi toàn thế giới, vì vậy không thể giải quyết cơ bản được vấn đề dân tộc. Chỉ có giai cấp vô sản, với mục tiêu xóa bỏ bóc lột, áp bức giai cấp mới có thể giải quyết được vấn đề dân tộc, thực hiện sự bình đẳng thực sự giữa các dân tộc.

*- Quan hệ giữa các dân tộc còn liên quan đến quan hệ giữa các nền văn hóa.*

Sự khác biệt giữa các nền văn hóa là điều kiện để bổ sung, làm phong phú thêm bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc. Nhưng sự khác biệt đó cũng có thể dẫn đến những xung đột dân tộc khi lấy tiêu chuẩn văn hóa của dân tộc này áp đặt cho dân tộc khác, quy định thành "hạ đẳng và thượng đẳng", "văn minh và dã man". Mâu thuẫn dân tộc cũng có thể xuất hiện khi mâu thuẫn giữa các nhóm ngôn ngữ, văn hóa, tôn giáo và tâm linh... được đẩy lên thành mâu thuẫn dân tộc.

Sau khi Liên Xô tan rã, cục diện đối đầu hai cực

trên thế giới không còn, quan hệ dân tộc trên thế giới trở nên phức tạp và nóng bỏng hơn, cả trong phạm vi quốc gia và quốc tế và thường bị các thế lực đế quốc lợi dụng. Những điểm nóng về xung đột sắc tộc diễn ra ở nhiều nơi như: nội chiến ở bang Chiapas miền Nam Liên bang Mêhicô, ở Xômalì, Ruanda, Burundi, Cộng hòa dân chủ Cônggô, Ănggôla, Êtiôpia, Êritôria, Xuđăng, Ăpganixtan, Xri Lanca, xung đột giữa Palextin và Ixraen...

Tình hình xung đột dân tộc cũng rất nghiêm trọng ở các nước thuộc Liên Xô (cũ), Nam Tư và vùng Ban Căng. Ở Liên Xô cũ, có một thời kỳ vấn đề dân tộc được xem là đã giải quyết xong thì nay bỗng trở nên gay gắt. Đó là các cuộc xung đột ở Nagornui-Karabac giữa người Adécbaigian theo Hồi giáo và người Ácmênia theo Thiên Chúa giáo, Trexnia ở Nga, Apkhadia ở Grudia, ở các nước Tátgikixtan, Cưrôgôxtan... Ở Nam Tư, từ một liên bang gồm nhiều dân tộc, với 6 nước cộng hòa, nay chia thành 5 nước độc lập. Các mâu thuẫn dân tộc và tôn giáo đã gây ra các cuộc nội chiến đẫm máu ở Bôxnia và Hecxegôvina, Maxêđônia... Mâu thuẫn giữa người Secbia và người Anbani ở Côxôvô thuộc Cộng hòa Sécbia tồn tại trong nhiều năm, cộng với sự can thiệp từ bên ngoài trở nên rất phức tạp. Đó là cái cớ để Mỹ và NATO ném bom dã man Liên bang Nam Tư 79 ngày đêm vào năm 1999.

### III. NGUỒN GỐC CỦA CÁC CUỘC XUNG ĐỘT DÂN TỘC TRÊN THẾ GIỚI HIỆN NAY

#### 1. Sự bất bình đẳng giữa các dân tộc, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc

Trong chế độ có áp bức bóc lột, giai cấp thống trị (chủ nô, phong kiến, tư sản) áp bức, bóc lột nhân dân lao động của các dân tộc trong nước và đi xâm lược, thống trị các nước, các dân tộc khác, thực hiện chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Các dân tộc bị nô dịch tự cho mình là thuộc dân tộc thượng đẳng, xem các dân tộc bị nô dịch là dân tộc hạ đẳng. Dân tộc thượng đẳng "có khả năng về trí tuệ, tinh thần, sự thông minh và sáng tạo", v.v., có quyền áp bức và thống trị các dân tộc khác, còn những dân tộc hạ đẳng do trí tuệ kém phát triển, hèn yếu, dốt nát, phải phụ thuộc, chịu sự thống trị và phải có sự "khai hóa văn minh" của những người thượng đẳng mới có thể phát triển. Chủ nghĩa phân biệt chủng tộc đặc biệt phát triển trong giai đoạn chủ nghĩa đế quốc. Nó trở thành một học thuyết phản khoa học, biện hộ cho sự thống trị và bóc lột các nước thuộc địa và phụ thuộc.

Chủ nghĩa xã hội khoa học đã vạch trần tính chất phản động của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và đồng thời đã chỉ rõ sự khác biệt về chủng tộc không đóng một vai trò quan trọng nào trong sự phát triển của các dân

tộc. Những nhà khoa học tiến bộ và chân chính, qua những tài liệu khoa học không thể chối cãi, đặc biệt là kết quả đọc bản đồ gen của con người, đã chứng minh sự hoang đường và không có căn cứ khoa học của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

Phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản đã thức tỉnh ý thức dân tộc của nhiều dân tộc trên thế giới. Cuộc đấu tranh xoá bỏ hoàn toàn chế độ phân biệt chủng tộc phi lý tồn tại trên thế giới là cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc chân chính. Một loạt các dân tộc không chịu khuất phục đã đứng lên đấu tranh giành độc lập. Sự trỗi dậy của các dân tộc thuộc địa, chậm phát triển trong thế kỷ XX đã giáng một đòn mạnh vào chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Những thành lũy của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ngoan cố nhất, như chủ nghĩa Apacthai ở Nam Phi, đã sụp đổ. Nhưng những hình thức khác nhau của chủ nghĩa này còn tồn tại ở nhiều nơi và cuộc đấu tranh chống lại nó còn phải tiếp tục, lâu dài, trong đó có cuộc đấu tranh chống lại sự can thiệp thô bạo của các nước lớn vào công việc nội bộ đang nổi lên như một yêu cầu bảo vệ độc lập dân tộc của nhiều quốc gia trên thế giới.

## **2. Chủ nghĩa dân tộc**

Chủ nghĩa dân tộc là dựa trên sự khẳng định, tuyệt đối hoá tính biệt lập, đặc thù của một dân tộc, để cao dân tộc mình, phủ nhận hoặc xem thường dân tộc khác.

Chủ nghĩa dân tộc biểu hiện dưới hai hình thức: chủ nghĩa sô vanh nước lớn của dân tộc thống trị mà đặc điểm của nó là thái độ miệt thị các dân tộc khác và chủ nghĩa dân tộc, hẹp hòi, bế quan tỏa cảng, ngờ vực dân tộc khác.

Chủ nghĩa dân tộc lớn, chủ nghĩa sô vanh không chỉ xuất hiện ở các dân tộc di thống trị, áp bức dân tộc khác, mà ngay trong một quốc gia, tư tưởng dân tộc lớn có thể xuất hiện ở dân tộc đa số, có trình độ phát triển cao hơn, thường là dân tộc nông cốt, đại diện trong nước đó. Biểu hiện của nó là sự thiếu tôn trọng hoặc đối xử không bình đẳng với các dân tộc thiểu số có trình độ phát triển thấp hơn.

Tư tưởng dân tộc lớn trong một quốc gia đa dân tộc làm thương tổn đến tình đoàn kết trong cộng đồng dân tộc, vi phạm quyền bình đẳng dân tộc, làm nảy sinh những mâu thuẫn, những xích mích giữa dân tộc này với dân tộc khác, nhất là giữa dân tộc đa số và dân tộc thiểu số, là nguy cơ dẫn đến xung đột dân tộc.

Ở một thái cực khác, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi có xu hướng khép kín, đóng cửa, biệt lập, dẫn đến sự bài xích một cách mù quáng, không muốn tiếp thu những tinh hoa văn hoá, những mặt tích cực của các dân tộc khác. Chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi cũng làm cản bước tiến của các dân tộc. Có nhiều dân tộc nhỏ yếu, dùng tư tưởng dân tộc hẹp hòi như một lá chắn, ngăn chặn ảnh hưởng từ các dân tộc khác...

### **3. Vấn đề dân tộc chưa được giải quyết đúng đắn**

Trong một quốc gia đa dân tộc, nếu mối quan hệ giữa các dân tộc, lợi ích dân tộc không được giải quyết đúng đắn thì dễ phát sinh mâu thuẫn và có thể dẫn đến xung đột kéo dài.

Trong xã hội có giai cấp đối kháng tất yếu có sự áp bức, bóc lột giữa các dân tộc. Ph. Ăngghen viết, một dân tộc đi áp bức, bóc lột một dân tộc khác thì dân tộc đó không có tự do, bởi vì một thiểu số bóc lột của dân tộc đó đang áp bức, bóc lột đại đa số nhân dân lao động cùng thuộc dân tộc mình. Vấn đề dân tộc trong một quốc gia chỉ có thể được giải quyết khi áp bức, bóc lột giai cấp bị xoá bỏ, xây dựng một xã hội không có người bóc lột người.

Mặt khác, những sai lầm trong chính sách dân tộc, như không quán triệt đầy đủ những nguyên tắc cơ bản về quyền dân tộc tự quyết, quyền bình đẳng; trong thực hiện chính sách kinh tế, xã hội không quán triệt đầy đủ đến vấn đề dân tộc, đến đặc điểm của mỗi dân tộc, dẫn tới những sai lầm khuyết điểm, cũng có thể dẫn đến những xung đột dân tộc.

Chẳng hạn như dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, ở Liên Xô trước đây đã đạt được những thành tựu to lớn trong việc giải quyết các vấn đề dân tộc, thúc đẩy sự xích lại gần nhau của các dân tộc sống trên đất nước Liên bang Xôviết, mặc dù trong những giai đoạn và



trong những chính sách cụ thể, cũng có những sai lầm, khuyết điểm nhất định. Nhưng từ khi Liên Xô tan rã, chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô sụp đổ, các chính sách phiêu lưu mạo hiểm của các thế lực đen tối bên trong và bên ngoài đã kích động, khuyến khích xu hướng ly tâm, ly khai, thổi bùng lên ngọn lửa thù hận dân tộc... đang là nguy cơ gây sự tan rã mới của các nước thuộc Liên Xô cũ. Đó là sự kéo lùi sự tiến hoá của lịch sử, đi ngược lại chính sách đoàn kết dân tộc đúng đắn của chủ nghĩa Lênin.

#### **4. Sự can thiệp của các nước tư bản đế quốc vì lợi ích của chúng**

Từ bản chất tư bản, đế quốc của mình, các nước đế quốc luôn luôn tìm cách can thiệp vào vấn đề dân tộc và các cuộc xung đột dân tộc trên thế giới. Điều đó có thể giải thích được tại sao Mỹ và phương Tây can thiệp thô bạo trong quan hệ với Irắc, trong giải quyết cái gọi là "thanh lọc sắc tộc ở Côxôvô" thuộc Liên bang Nam Tư, nhưng lại làm ngơ trước thảm họa diệt chủng ở Campuchia, Ruanda, hoặc tình trạng đàn áp, ngược đãi các dân tộc thiểu số ở nơi này, nơi khác trên thế giới.

Thủ đoạn can thiệp quen thuộc của chủ nghĩa đế quốc vào các nước trong vấn đề dân tộc hiện nay là kích thích xu hướng ly tâm, ly khai, làm suy yếu các quốc gia đa dân tộc và tạo cơ sở để dễ bề can thiệp.

Như vậy, sự bất bình đẳng giữa các dân tộc, chủ

nghĩa dân tộc hẹp hòi, sự giải quyết chưa thỏa đáng vấn đề dân tộc trong một quốc gia, sự can thiệp của các nước đế quốc vào công việc nội bộ của các nước khác là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, xung đột giữa các dân tộc trên thế giới đang tăng lên. Sự thức tỉnh của ý thức dân tộc và đấu tranh giành quyền bình đẳng, xây dựng quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa các dân tộc là nhằm thủ tiêu vĩnh viễn sự áp bức dân tộc trên thế giới.

Dân tộc và quan hệ giữa các dân tộc trong mỗi quốc gia và trên thế giới là những vấn đề rất quan trọng và rất nhạy cảm. Chủ nghĩa tư bản với bản chất áp bức, bóc lột và bất công không thể giải quyết được vấn đề dân tộc và không thể đưa các dân tộc đến một xã hội bình đẳng, hữu nghị và hợp tác. Con đường để giải quyết vấn đề dân tộc trên thế giới chỉ có thể tìm thấy ở Chủ nghĩa Mác-Lênin, được V.I.Lênin nêu ra một cách rõ ràng là: các dân tộc bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại.

Cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, đại đoàn kết dân tộc của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ soi sáng việc giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam mà còn là nguyên tắc cơ bản để giải quyết đúng đắn quan hệ giữa các dân tộc trên thế giới.

## Chuyên đề II

# TÌNH HÌNH, ĐẶC ĐIỂM CHỦ YẾU VÀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC DÂN TỘC Ở NƯỚC TA

Việt Nam là quốc gia có nhiều dân tộc. Nghiên cứu tình hình, đặc điểm chủ yếu và mối quan hệ giữa các dân tộc ở nước ta giúp cho việc nắm vững cơ sở của chính sách dân tộc của Đảng. Khái niệm dân tộc trong phần này hiểu theo nghĩa cộng đồng tộc người trong phạm vi quốc gia như đã nêu ở trên.

## I. VIỆT NAM LÀ QUỐC GIA CÓ NHIỀU DÂN TỘC

1. Đại gia đình dân tộc Việt Nam thống nhất hiện có 54 dân tộc anh em, dân số giữa các dân tộc không đều nhau

Theo các tài liệu chính thức, nước ta có 54 dân tộc. Dân tộc Kinh (Việt) là dân tộc đa số, chiếm hơn 86,2% dân số. Các dân tộc có số dân trên một triệu người là Tày, Thái, Mường, Khmer. Các dân tộc có số dân trên 50 vạn người là: Hoa, Nùng, Mông, Dao. Một số dân tộc có số dân từ 100 đến 1000 người, như Si La, Ô Đu, Pu

Péo, Rơ Măm, Brâu... Những năm gần đây, nhờ có chính sách khắc phục tình trạng suy giảm dân số đối với một số dân tộc có số dân quá ít, nên dân số của các dân tộc này đã tăng lên.

Tuy số dân có sự chênh lệch đáng kể, nhưng các dân tộc luôn luôn coi nhau như anh em một nhà, quý trọng, thương yêu đùm bọc lẫn nhau.

**2. Cộng đồng dân tộc Việt Nam hiện nay là kết quả của một quá trình hình thành và phát triển lâu dài trong lịch sử**

Trong 54 dân tộc anh em, có những dân tộc vốn sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Việt Nam ngay từ thuở ban đầu, có những dân tộc từ nơi khác lần lượt di cư đến nước ta. Do vị trí nước ta nằm trên ngã ba đường giao lưu của châu Á, nhiều dân tộc ở các nước xung quanh, do nhiều nguyên nhân, đã di cư từ Bắc xuống (là chủ yếu), từ Nam lên, từ Tây sang, rồi định cư trên lãnh thổ nước ta. Những đợt di cư nói trên kéo dài mãi cho đến trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thậm chí có bộ phận dân cư còn chuyển đến nước ta cả sau năm 1945. Đây là những đợt di cư lẻ tẻ, bao gồm một số hộ gia đình đồng tộc.

**3. Trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, dân tộc Kinh là dân tộc đa số, các dân tộc còn lại là dân tộc thiểu số**

Dân tộc Kinh chiếm tỷ lệ lớn nhất trong dân cư nước

ta, có trình độ phát triển cao hơn, là lực lượng đoàn kết, đóng vai trò chủ lực và đi đầu trong quá trình đấu tranh lâu dài dựng nước và giữ nước, góp phần to lớn vào việc hình thành, củng cố và phát triển cộng đồng dân tộc Việt Nam. Các dân tộc thiểu số nước ta gắn bó với dân tộc đa số và gắn bó với nhau, chung sức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cả khi thuận lợi cũng như lúc khó khăn, ở nước ta không có tình trạng dân tộc đa số cường bức, đồng hóa, thôn tính các dân tộc thiểu số. Do đó cũng không có tình trạng các dân tộc thiểu số chống lại dân tộc đa số. Ngày nay, trước yêu cầu phát triển mới của đất nước, dân tộc Kinh cũng như toàn thể các dân tộc anh em trên đất nước ta tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp, tăng cường đoàn kết, nỗ lực phấn đấu xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

## **II. CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC TA CÓ TRUYỀN THỐNG ĐOÀN KẾT TRONG ĐẤU TRANH DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC, XÂY DỰNG MỘT CỘNG ĐỒNG DÂN TỘC THỐNG NHẤT**

**1. Trong 54 dân tộc anh em của cộng đồng dân tộc Việt Nam, nhiều dân tộc có chung cội nguồn**

Nói về nguồn gốc dân tộc Việt Nam đã có nhiều truyền thuyết như truyện “Quả bầu mẹ” giải thích các

dân tộc có chung một nguồn gốc; truyện "Đôi chim" đẻ ra hàng trăm, hàng nghìn trứng nở ra người Kinh, người Mường, người Thái, người Khơmú ...; truyện của dân tộc Bana, Êđê kể rằng người Kinh, người Thượng là anh em một nhà; đặc biệt là truyện Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ đẻ ra một bọc trăm trứng, nở ra trăm người con trai, một nửa theo cha xuống biển trở thành người Kinh, một nửa theo mẹ lên núi thành các dân tộc thiểu số. Vua Hùng được coi là Tổ chung của cả nước. Ngày 10-3 âm lịch hàng năm là ngày giỗ tổ Hùng Vương của toàn dân tộc.

Còn các tài liệu lịch sử thì cho thấy :

Người Việt, người Mường là con cháu của người Lạc Việt (người Việt cổ), là chủ nhân của nền văn hóa Đông Sơn. Theo nhiều nhà nghiên cứu, việc tách nhóm Việt - Mường thành các dân tộc là một quá trình lâu dài, bắt đầu vào cuối thiên niên kỷ II, đầu thiên niên kỷ I trước Công nguyên<sup>1</sup>. Người Tày, Thái, Nùng là những bộ phận của người Tày - Thái cổ, trong quá trình lịch sử đã tách thành các dân tộc Tày, Thái, Nùng.

Người Mông, Dao xưa kia có cùng nguồn gốc, sau tách thành các dân tộc Mông, Dao và Pà Thẻn.

Các dân tộc cùng nguồn gốc lịch sử, có nhiều điểm

---

1. Về vấn đề này, cũng có những ý kiến cho rằng đã hình thành một tộc Mường, với một nền văn hóa Mường sau Công nguyên chứ không phải trước Công nguyên (T.G.).

tương đồng là điều kiện thuận lợi để gầy, gù, gắn bó với nhau. Song, điều quan trọng là các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam đều là người trong một nước, con trong một nhà, vận mệnh gắn chặt với nhau. Trong suốt chiều dài lịch sử các dân tộc nước ta luôn luôn kề vai sát cánh bên nhau, thương yêu đùm bọc lẫn nhau.

**2. Truyền thống đoàn kết của các dân tộc nước ta được hun đúc qua mấy ngàn năm lịch sử cùng nhau chung lưng đấu cật chinh phục thiên nhiên và chống giặc ngoại xâm**

Trong nền văn minh trồng lúa nước, đất và nước là hai yếu tố cơ bản, có ý nghĩa sống còn với cây lúa nước. Xưa xưa, trên lãnh thổ nước ta hiện nay, hầu như còn là một vùng núi cao, sông sâu, rừng rậm, đầm lầy, nhiều thú dữ, khí hậu ẩm thấp, nóng nực. Những chủ nhân tự nhiên ở đây và sau đó là cộng đồng dân cư các dân tộc Việt Nam đã hợp sức lại để khai phá đất đai, tạo nên những đồng bằng rộng lớn. Nước ta ở vào khu vực địa lý có nhiều thuận lợi nhưng cũng rất khắc nghiệt, khi thì mưa thuận gió hòa; khi thì dốn dập bão táp, lụt lội. Để chống đỡ thiên tai, nhất là lũ lụt, nhân dân các dân tộc đã liên kết lại, đắp đê, xây đập... từ đời này qua đời khác. Hệ thống đê điều đồ sộ trên đất nước ta là công trình vĩ đại được xây nên bằng sức mạnh đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Việt Nam trong sự nghiệp dựng nước, trong suốt chiều dài mấy ngàn năm lịch sử.

Ngày nay, trước những biến đổi bất lợi về khí hậu, thời tiết có tính toàn cầu, cuộc đấu tranh chinh phục thiên nhiên vẫn đòi hỏi tiếp tục phát huy sức mạnh của khối đoàn kết dân tộc và thông qua cuộc đấu tranh đó, đại gia đình các dân tộc Việt Nam càng thêm gắn bó chặt chẽ.

Cùng với lịch sử chinh phục thiên nhiên, nhân dân ta còn có lịch sử chống ngoại xâm vô cùng oanh liệt. Đất nước ta ở vào nơi thuận tiện trên trục đường giao thông Bắc - Nam, Đông - Tây của thế giới, có tài nguyên phong phú và vị trí địa lý - chính trị có tính chiến lược. Do đó, các thế lực bành trướng và xâm lược trong lịch sử luôn nhòm ngó và tìm cách thôn tính nước ta. Đặc điểm nổi bật của lịch sử Việt Nam là lịch sử chống giặc ngoại xâm liên tục và nhiều lần, trong đó có nhiều cuộc chiến tranh chống lại những thế lực thù địch hùng mạnh, giàu có và hung bạo nhất thế giới. Chính vì vậy mà cộng đồng các dân tộc Việt Nam luôn luôn sát cánh bên nhau, tiến hành các cuộc kháng chiến oanh liệt chống giặc ngoại xâm, đánh thắng quân xâm lược Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh trong thời kỳ chúng cường thịnh nhất, đánh thắng thực dân Pháp, mở đầu cho quá trình sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới và đặc biệt là thắng Mỹ, đế quốc to nhất, hùng mạnh nhất trong thời đại ngày nay.

Đoàn kết thì sống, chia rẽ thì chết, nhu cầu chống giặc ngoại xâm để giành và giữ nền độc lập dân tộc đã



tập hợp toàn thể dân tộc Việt Nam thành một khối. Trong quá trình lịch sử chống giặc ngoại xâm lâu dài, khối đoàn kết dân tộc không ngừng được củng cố, mở rộng và nâng cao, đoàn kết trở thành truyền thống cực kỳ quý báu của cả dân tộc. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo cách mạng Việt Nam, mở ra thời đại Hồ Chí Minh, nhân dân các dân tộc trên đất nước ta đã phát huy cao độ tinh thần đoàn kết chặt chẽ dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đoàn kết là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng.

*"Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết,  
Thành công, thành công, đại thành công"*<sup>1</sup>. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng họp tháng 4-2001, một lần nữa Đảng ta khẳng định: *"Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc luôn luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng"*.

Những thành tựu to lớn và rất quan trọng đạt được trong quá trình đổi mới cho thấy khối đại đoàn kết dân tộc ở nước ta đã có tầm cao mới và chiều sâu mới, là động lực to lớn thúc đẩy sự phát triển của đất nước, làm cho thế và lực của cách mạng nước ta ngày càng được tăng cường. Trước yêu cầu của thời kỳ mới, đẩy mạnh

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.10, tr.350.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.127.

công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước, thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, càng đòi hỏi nhân dân ta ra sức phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế. Giữ gìn và tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc hiện nay vẫn là một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược. Tăng cường đoàn kết, nâng cao cảnh giác, kịp thời đập tan mọi âm mưu và hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc là nhiệm vụ của mỗi người dân Việt Nam.

### III. ĐẶC ĐIỂM CƯ TRÚ CỦA CÁC DÂN TỘC Ở VIỆT NAM LÀ XEN KÈ NHAU

Theo những kết quả nghiên cứu khoa học, Việt Nam "là một trong những cái nôi của loài người"<sup>1</sup>. Như vậy, tổ tiên của dân tộc ta là cư dân bản địa, đồng thời có giao lưu, tiếp xúc với nhiều luồng nhân chủng khác nhau thuộc vùng Đông Nam Á. Những cư dân bản địa đã cùng với các tộc người từ các nước bên cạnh chuyển đến gần chặt vận mệnh với nhau, tạo dựng nên cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Địa bàn cư trú của người Kinh chủ yếu ở đồng bằng, ven biển và trung du; còn các dân tộc thiểu số sống ở

---

1. *Lịch sử Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, t.1, tr.10.

miền núi phía Bắc, vùng núi Thanh - Nghệ - Tĩnh, Trường Sơn - Tây Nguyên, đồng bằng Nam Bộ; người Hoa sống tập trung ở một số nơi thuận tiện cho làm ăn buôn bán, đặc biệt tập trung ở thành phố Hồ Chí Minh.

Các dân tộc thiểu số có sự tập trung ở một số vùng, nhưng không cư trú thành những khu vực riêng biệt mà xen kẽ với các dân tộc khác trong phạm vi của tỉnh, huyện, xã và cả các ấp, bản, mường. Sau giải phóng miền Bắc năm 1954, và sau năm 1975, với kết quả của các cuộc vận động xây dựng và phát triển các vùng kinh tế, tình trạng sống đan xen giữa các dân tộc trở nên phổ biến trên phạm vi cả nước.

Đến nay, nét nổi bật nhất về tình hình là hầu như không có tỉnh, huyện nào chỉ có một dân tộc cư trú. Nhiều tỉnh có tới trên 20 dân tộc như Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang, Lâm Đồng... Riêng tỉnh Đắk Lắk có 44 dân tộc anh em. Phần lớn các huyện miền núi có từ 5 dân tộc trở lên cư trú. Nhiều xã, bản có tới 3 hoặc 4 dân tộc cùng sinh sống.

Tình trạng cư trú xen kẽ giữa các dân tộc ở nước ta, một mặt là điều kiện để tăng cường hiểu biết nhau, đoàn kết, xích lại gần nhau; mặt khác, cần đề phòng trường hợp có thể do chưa thật hiểu nhau, khác nhau về phong tục, tập quán... làm xuất hiện mâu thuẫn, tranh chấp về lợi ích, nhất là lợi ích kinh tế, dẫn tới khả năng va chạm giữa những người thuộc các dân tộc cùng sinh sống trên một địa bàn. Các thế lực thù địch trước

kia cũng như hiện nay luôn luôn chú ý lợi dụng, khoét sâu những va chạm, mâu thuẫn trong quan hệ dân tộc để chia rẽ, làm suy yếu sự đoàn kết các dân tộc để dễ dàng thực hiện ý đồ xâm lược hoặc duy trì ách thống trị của chúng.

Đối với chúng ta, tình trạng cư trú xen kẽ của các dân tộc là điều kiện thuận lợi cơ bản để tăng cường quan hệ mọi mặt giữa các dân tộc, xây dựng cộng đồng các dân tộc ngày càng gắn bó vững chắc, cùng nhau tiến bộ và phát triển, để sự hoà hợp dân tộc tăng lên, sự cách biệt về trình độ phát triển từng bước thu hẹp lại. Ngày nay, do sống gần nhau và trình độ dân trí được nâng cao, các dân tộc hiểu biết tiếng nói của nhau, việc kết hôn giữa thanh niên nam nữ thuộc các dân tộc khác nhau ngày càng phổ biến, càng có thêm điều kiện đoàn kết và hoà hợp giữa các dân tộc anh em. Những vướng mắc, nếu có, đều có thể giải quyết được trên cơ sở có lý, có tình, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, lấy mục tiêu đoàn kết dân tộc làm trọng.

#### **IV. CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở NƯỚC TA CHỦ YẾU CƯ TRÚ TRÊN CÁC VÙNG RỪNG NÚI, BIÊN GIỚI, CÓ VỊ TRÍ QUAN TRỌNG VỀ KINH TẾ, CHÍNH TRỊ, AN NINH, QUỐC PHÒNG, ĐỐI NGOẠI**

##### **1. Về kinh tế**

Phần lớn các dân tộc thiểu số nước ta cư trú ở miền

núi, chiếm 3/4 diện tích cả nước. Đây là khu vực có tiềm năng phát triển kinh tế to lớn. Trước hết, đó là tiềm lực về tài nguyên rừng và đất rừng. Miền núi còn là nơi có điều kiện để phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu, chăn nuôi đại gia súc... Ngoài ra, miền núi chính là nơi có nhiều nguồn tài nguyên khoáng sản. Hàng năm, từ miền núi đã cung cấp hàng trăm tỷ mét khối nước cho thủy điện, thủy lợi; cung cấp hàng chục tỷ mét khối phù sa bồi đắp cho đồng bằng và ven biển.

Đối với môi trường sinh thái của cả nước, miền núi có vai trò quan trọng về điều hòa khí hậu, điều tiết nguồn nước, bảo vệ lớp đất màu trong mùa mưa lũ. Tình trạng phá rừng diễn ra phổ biến và nghiêm trọng trong những năm qua làm cho diện tích đất rừng được che phủ giảm đi nhanh chóng, chỉ còn khoảng 30%, có nơi chưa đầy 10%, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, là nguyên nhân của những trận lũ tràn, lũ ống, lũ quét... để lại những hậu quả lâu dài, cần sớm được khắc phục.

Đường biên giới trên đất liền của nước ta dài 4000km thì 3000 km nằm ở khu vực miền núi. Tại đây có nhiều cửa ngõ thông thương với các nước láng giềng. Đó là điều kiện thuận lợi để mở rộng quan hệ kinh tế, văn hoá giữa nước ta với các nước láng giềng, qua đó tới các nước trong khu vực và trên thế giới. Song đó cũng là địa bàn hiểm trở, khó khăn cho việc kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn buôn lậu, ma túy xâm nhập, gây tổn hại nghiêm trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

## 2. Về an ninh, quốc phòng

Vị trí chiến lược quan trọng của miền núi đã được thực tế lịch sử khẳng định. Từ xưa đến nay, các thế lực thù địch bên ngoài đều sử dụng địa bàn miền núi để xâm lược, xâm nhập, phá hoại sự nghiệp dựng nước và giữ nước, sự nghiệp cách mạng trên đất nước ta.

Rừng núi đã từng là căn cứ địa cách mạng và kháng chiến chống Pháp, Nhật, Mỹ. Kẻ thù của chúng ta cũng hiểu rất rõ vị trí quan trọng của miền núi. Thực dân Pháp đã xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm quân sự có ý nghĩa chiến lược không chỉ với chiến trường Việt Nam mà còn với cả Đông Dương. Pháp và Mỹ đều dồn sức chiếm giữ Tây Nguyên, "mái nhà của Đông Dương". Do đó, nơi đây luôn luôn là chiến trường quan trọng, có tính quyết định trong các cuộc chiến tranh Đông Dương. Các chiến thắng quan trọng, có ý nghĩa bước ngoặt trong chiến tranh như Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (ngày 7-5-1954), Chiến thắng Buôn Mê Thuột (ngày 11-3-1975) đều diễn ra ở những vùng rừng núi chiến lược, nơi có đông đồng bào dân tộc sinh sống. Cùng với nhân dân cả nước, nhân dân các dân tộc thiểu số đã góp phần xứng đáng trong lịch sử vẻ vang chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam.

Miền núi, biên giới là "phên dậu" vững chắc của Tổ quốc, là địa bàn chiến lược về quốc phòng, an ninh

trong việc bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia, chống âm mưu xâm nhập, gây bạo loạn, lật đổ, bảo vệ sự nghiệp hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

### 3. Về quan hệ đối ngoại

Ở vùng biên giới có các dân tộc thiểu số vừa cư trú ở Việt Nam, vừa cư trú ở nước láng giềng, giữ quan hệ đồng họ, quan hệ thân tộc với nhau. Có dân tộc chủ yếu sống ở Việt Nam, còn một bộ phận nhỏ sống ở nước khác (như Kinh, Tày, Mường, Chứt, Bana, Còho...), ngược lại, có dân tộc chỉ có bộ phận nhỏ sống ở Việt Nam, còn đa số lại sống ở các nước khác (như các tộc người thuộc hệ ngôn ngữ Mông - Dao, Tạng - Mianma, Tày - Thái, Môn - Khmer).

Những năm gần đây các thế lực đế quốc, phản động bên ngoài đã lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để trực tiếp can thiệp thô bạo vào nhiều nước dưới chiêu bài "dân chủ, nhân quyền", "nhân đạo", kiếm cơ để tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo, bất chấp chủ quyền quốc gia và luật pháp quốc tế.

Bởi vậy, thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta không chỉ vì lợi ích các dân tộc thiểu số mà còn vì lợi ích cả nước, không chỉ là đối nội mà còn là đối ngoại, không chỉ về kinh tế - xã hội, mà cả về chính trị, quốc phòng, an ninh quốc gia.

## **V. CÁC DÂN TỘC Ở VIỆT NAM CÓ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI KHÔNG ĐỀU NHAU**

Ở các quốc gia có nhiều dân tộc, sự phát triển không đồng đều giữa các dân tộc là tình trạng khá phổ biến, do nhiều nguyên nhân: lịch sử, xã hội, điều kiện tự nhiên nơi sinh sống... quy định.

Trình độ phát triển kinh tế - xã hội không đều nhau giữa các dân tộc ở nước ta là một thực tế khách quan. Có những dân tộc ít người đời sống kinh tế - xã hội còn thấp kém. Nhiều dân tộc cư trú trên địa bàn có điều kiện tự nhiên hết sức khó khăn, khắc nghiệt. Điều kiện canh tác nương rẫy không ổn định nên đời sống của đồng bào thường bấp bênh. Cuộc sống du canh, du cư thường dẫn tới đói nghèo, bệnh tật. Trước đây, đối với cư dân làm nương rẫy ở các tỉnh phía Bắc tỷ lệ thiếu đói là 7/10.

Bên cạnh nguyên nhân lịch sử và hoàn cảnh tự nhiên, cần thấy nguyên nhân xã hội là chủ yếu. Dưới sự thống trị của các giai cấp bóc lột, miền núi và vùng dân tộc thiểu số là đối tượng để bọn chúng bóc lột, vơ vét, thực hiện chính sách ngu dân. Trong gần một thế kỷ thực dân Pháp đô hộ, với chính sách khai thác thuộc địa triệt để, đời sống của nhiều dân tộc thiểu số là đói rét, lạc hậu, tối tăm.

Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra và thực hiện nhiều chủ trương,



chính sách theo tinh thần tạo điều kiện để từng bước miền núi tiến kịp miền xuôi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiến kịp vùng đồng bào đa số. Qua hơn 15 năm đổi mới, tình hình kinh tế - xã hội miền núi và vùng dân tộc thiểu số đã có bước phát triển đáng kể. Tuy nhiên, giữa các dân tộc thiểu số với nhau cũng như giữa các dân tộc thiểu số với dân tộc đa số, trình độ phát triển kinh tế - xã hội vẫn còn nhiều chênh lệch. Vì vậy, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4-2001) đã xác định cần phải "Thực hiện tốt chính sách các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, phát triển sản xuất hàng hoá, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, xoá đói, giảm nghèo, mở mang dân trí, giữ gìn, làm giàu và phát huy bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc..."<sup>1</sup>.

**VI. NỀN VĂN HÓA VIỆT NAM LÀ NỀN VĂN HÓA  
THỐNG NHẤT TRONG DA DẠNG, MỖI DÂN TỘC  
ANH EM CÓ NHỮNG GIÁ TRỊ VÀ SẮC THAI  
VĂN HÓA RIÊNG**

*Ở nước ta có nhiều dòng ngôn ngữ, trong mỗi dòng*

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 127.

lại có những nhóm khác nhau. Dòng ngôn ngữ Nam Á có nhóm ngôn ngữ Việt - Mường, nhóm Môn - Khmer, nhóm Tày - Thái, nhóm Mông - Dao. Dòng ngôn ngữ Nam Đảo (Indônêxia) bao gồm ngôn ngữ các dân tộc Chăm, Churu, Giarai, Êđê, Raglai. Dòng ngôn ngữ Hán - Tạng có nhóm ngôn ngữ Tạng - Mianma, nhóm ngôn ngữ Hán. Ngoài ra còn có ngôn ngữ được gọi là Kadai, bao gồm ngôn ngữ các dân tộc La Chí, Cờ Lao, La Ha, Pu Páo.

Do điều kiện sống xen kẽ và nhu cầu giao tiếp nên ở nhiều dân tộc thường sử dụng song ngữ hay đa ngữ. Người Xinhmun ở Tây Bắc ngoài tiếng mẹ đẻ còn biết tiếng Thái, Mông. Ở Việt Bắc, tiếng Tày được dùng khá phổ biến trong giao tiếp. Tiếng Việt là quốc ngữ, được dùng làm phương tiện giao tiếp của tất cả các dân tộc, là tiếng nói chính thức của Nhà nước, là công cụ xây dựng ý thức dân tộc thống nhất. Trong khi đó, tiếng mẹ đẻ của từng dân tộc vẫn được duy trì, giúp xây dựng và giữ gìn ý thức riêng của dân tộc.

*Văn hóa, sản xuất, kiến trúc, xây dựng ...* giữa các dân tộc có nhiều nét khác nhau. Không chỉ khác nhau về trồng lúa nước và trồng lúa nương mà cách làm ruộng nước, làm nương rẫy ở dân tộc này cũng có những điểm khác dân tộc kia. Nghề dệt thổ cẩm của các dân tộc thiểu số rất độc đáo. Có dân tộc ở nhà đất, có dân tộc ở nhà sàn; nhà sàn của người Mường và của người Thái có nhiều điểm khác nhau.

*Văn hóa ăn, mặc* của các dân tộc hết sức phong phú. *Phong tục, tập quán, lối sống* mỗi dân tộc một khác nhau.

*Tổ chức xã hội* của dân tộc Kinh có xóm, làng, xã; dân tộc Thái có bản, mường; dân tộc Êđê có buôn, xã; dân tộc Khmer có phum, xóc... Già làng, già bản ở nhiều dân tộc thiểu số có uy tín cao.

Đặc biệt, các dân tộc thiểu số ở nước ta có *kho tàng văn hóa dân gian*, bao gồm các làn điệu dân ca, các điệu múa, các bản trường ca, v.v., vô cùng phong phú và có giá trị nghệ thuật lớn. Đó là các bản dân ca Mường, dân ca Mông, "Sóng trụ xôn xao" (Tiễn dặn người yêu) của người Thái, Trường ca "Đam San" của Tây Nguyên, kho tàng tục ngữ Tày - Nùng; điệu hát lượn của người Tày, hát sli của người Nùng, múa cồng chiêng của các dân tộc Tây Nguyên, múa xòe của người Thái, múa ô của người Mông, múa trống của người Chăm, người Khmer...

Bản sắc văn hóa mỗi dân tộc nước ta tạo nên nền văn hoá Việt Nam rực rỡ. Sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hoá Việt Nam trong thời kỳ mới phải hướng vào việc củng cố và tăng cường sự thống nhất, nhân lên sức mạnh tinh thần chung của toàn dân tộc. Đồng thời phải khai thác và phát triển mọi sắc thái và giá trị văn hóa của các dân tộc, đáp ứng nhu cầu văn hóa tinh thần ngày càng cao và nhu cầu phát triển của từng dân tộc. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành

Trung ương khóa VIII và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng là cơ sở và điều kiện thuận lợi để xây dựng và phát triển một nền văn hoá Việt Nam thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội khẳng định : "...tạo mọi điều kiện để các dân tộc phát triển đi lên con đường văn minh, tiến bộ, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng các dân tộc Việt Nam."<sup>1</sup> Sự phát triển mọi mặt của từng dân tộc đi liền với sự củng cố, phát triển của cộng đồng các dân tộc trên đất nước ta đảm bảo tăng cường tính cộng đồng, tính thống nhất, đồng thời không mâu thuẫn, không bài trừ tính đa dạng, tính độc đáo trong bản sắc của mỗi dân tộc.

Trong suốt quá trình lịch sử dựng nước và giữ nước, cộng đồng dân tộc Việt Nam phát triển hoà hợp, thống nhất, theo xu thế tiến bộ, hợp quy luật. Tuy nhiên, để khối thống nhất toàn dân tộc tiến lên một tầm cao mới phải giải quyết đồng bộ nhiều vấn đề, trong đó cần thực hiện đường lối do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng khẳng định là : "Phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.16.

dại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa<sup>1</sup>, thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh : Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi<sup>2</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.60-61.

2. Xem: Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr. 246.